

Số: 176/2020/QĐST-HNGĐ

Hồng Bàng, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị NTL; ĐKKHKT: Xã A, huyện B; tạm trú tại: Cầu thang 2A7, tổ C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng.

Anh VVS; ĐKKHKT: Xã A, huyện B; tạm trú tại: Cầu thang 2A7, tổ C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTL và anh VVS xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, thành phố Hải Phòng ngày 09/3/2012. Quá trình vợ chồng chung sống, hai bên xác nhận có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên chị NTL và anh VVS đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên có 02 con chung là F (sinh ngày 21/7/2012) và G (sinh ngày 19/01/2015). Hai bên thỏa thuận và thống nhất: Chị NTL trực tiếp nuôi con F, anh VVS trực tiếp nuôi con G, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 29/8/2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận chị NTL và anh VVS thuận tình ly hôn.

[5] Về lệ phí dân sự: Chị NTL và anh VVS, mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NTL và anh VVS thuận tình ly hôn

- Về con chung: Hai bên có 02 con chung là F (sinh ngày 21/7/2012) và G (sinh ngày 19/01/2015). Chị NTL trực tiếp nuôi con F, anh VVS trực tiếp nuôi con G, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị NTL và anh VVS, mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010039 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTL và anh VVS đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
 - VKSND TP. Hải Phòng;
 - Đương sự;
 - VKSND quận Hồng Bàng;
 - UBND xã A, huyện B
- (GCN kết hôn số 18/2012, quyền số 001/2011, ngày 09/3/2012);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng;
 - Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Chung